

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất tổ chức  
ngày 16/12/2021 tại Công ty Đấu giá Hợp danh Kiều Việt**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1078/TTr-STNMT ngày 24/12/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở (tổ chức ngày 16/12/2021) tại Công ty Đấu giá Hợp danh Kiều Việt đối với 15 lô đất ở thuộc Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, thành phố Quy Nhơn, với số tiền trúng đấu giá phải thu, nộp vào NSNN là **54.431.784.000 đồng** (Năm mươi bốn tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng), chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Quy Nhơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc thu các khoản nghĩa vụ tài chính, hoàn tất thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng trúng đấu giá theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty Đấu giá Hợp danh Kiều Việt và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Lưu: VT, K16.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**



**Phụ lục**  
**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở**  
**TỔ CHỨC NGÀY 16/12/2021 TẠI CÔNG TY ĐẦU GIÁ HỢP DANH KIỂU VIỆT**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI TRÚNG ĐẦU GIÁ	NĂM SINH	SỐ CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	KÝ HIỆU SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TÊN ĐƯỜNG	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT	GIÁ KHỞI ĐIỂM( đồng)	GIÁ TRÚNG ĐẦU GIÁ (đồng)	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT
1	Nguyễn Thị Dư	1990	215123033	Tây Thuận, Tây Sơn	19 Khu ĐƠ 07	112,0	Đường A3 và Đường A6, lộ giới 13m-13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	3.628.800.000	5.044.032.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
2	Nguyễn Thị Thanh Trà	1979	211697871	Số 60 Nguyễn Thị Định, TP Quy Nhơn	20 Khu ĐƠ 07	100,0	Đường A6, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.700.000.000	3.591.000.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
3	Trần Hữu Trinh	1966	052066024648	Số 38 Nguyễn Đình Thụ, TP Quy Nhơn	21 Khu ĐƠ 07	100,0	Đường A6, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.700.000.000	3.834.000.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
4	Trần Văn Đến	1990	215126048	Phường Hoài Thanh, TX Hoài Nhơn	22 Khu ĐƠ 07	100,0	Đường A6, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.700.000.000	3.834.000.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
	Đỗ Song Trâm	1995	215385757	TT Diêu Trì, Tuy Phước								
5	Nguyễn Thị Lai	1991	051191010429	Số 375 Nguyễn Thái Học, TP Quy Nhơn	23 Khu ĐƠ 07	100,0	Đường A6, lộ giới 13m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.700.000.000	3.510.000.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
6	Trần Thị Hoa	1983	215555166	Số 59 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn	24 Khu ĐƠ 07	112,0	Đường A6 và Đường A4, lộ giới 13m-16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	3.763.200.000	5.117.952.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
7	Đặng Thị Bạch Liên	1957	215036757	Số 42 Phạm Hùng, TP Quy Nhơn	25 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.113.600.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
8	Nguyễn Thị Thanh Duyên	1978	211689621	KV9, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	26 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
9	Nguyễn Thị Thanh Duyên	1978	211689621	KV9, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	27 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI TRÚNG ĐẤU GIÁ	NĂM SINH	SỐ CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	KÝ HIỆU SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (m2)	TÊN ĐƯỜNG	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT	GIÁ KHỞI ĐIỂM( đồng)	GIÁ TRÚNG ĐẤU GIÁ (đồng)	ĐỊA CHỈ THỪA ĐẤT
10	Đặng Thị Bạch Liên	1957	215036757	Số 42 Phạm Hùng, TP Quy Nhơn	28 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.180.800.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
11	Đặng Thị Bạch Liên	1957	215036757	Số 42 Phạm Hùng, TP Quy Nhơn	29 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
12	Nguyễn Thị Thanh Trà	1979	211697871	Số 60 Nguyễn Thị Định, TP Quy Nhơn	30 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
13	Nguyễn Thị Thanh Trà	1979	211697871	Số 60 Nguyễn Thị Định, TP Quy Nhơn	31 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
14	Nguyễn Thị Thanh Trà	1979	211697871	Số 60 Nguyễn Thị Định, TP Quy Nhơn	32 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
15	Nguyễn Thị Thanh Duyên	1978	211689621	KV9, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	33 Khu ĐƠ 07	80,0	Đường A4, lộ giới 16m	Xây dựng nhà ở	Lâu dài	2.240.000.000	3.315.200.000	Khu ĐƠ 07, KDC tại cụm kho bãi dọc QL1D
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>1.344,0</b>				<b>38.352.000.000</b>	<b>54.431.784.000</b>	